

Bản án: 57/2019/HNGĐ-ST

Ngày 24/7/2019

V/v “*Tranh chấp ly hôn,
về nuôi con chung*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG
- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm cả
Thẩm phán - Chủ tọa phiên Tòa: Bà Nguyễn Thị Chuyên
Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Văn Thái

Ông Phan Ngọc Lợi

- Thư ký phiên Tòa : Bà Huỳnh Thị Phương là thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng tham gia phiên Tòa : Bà Nguyễn Thị Diễm Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số : 199/2019/TLST-HNGĐ, ngày 3 tháng 5 năm 2019 vụ tranh chấp “Ly hôn, về nuôi con chung” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số : 59/2019/QĐXXST- HNGĐ, ngày 25 tháng 6 năm 2019, giữa :

1. **Nguyên đơn:** Chị Trần Thị N, sinh năm: 1988; Địa chỉ: ấp Tà K, xã Thạnh H, huyện GR, tỉnh KG (có mặt).

2. **Bị đơn:** Anh Châu Trường G, sinh năm: 1986; Địa chỉ: ấp Láng Q, xã Thạnh H, huyện GR, tỉnh KG (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 18/3/2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Trần Thị N trình bày: Chị và anh G trước khi lấy nhau do mai mối được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới vào ngày 29/2/2008, nhưng không đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không có tiếng nói chung trong cuộc sống, bất đồng quan điểm và cách sống, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Giữa chị và anh G không còn chung sống với nhau kể từ tháng 6/2018 cho đến nay. Nay xét thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, hôn nhân không thể tiếp tục duy trì nên chị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh G.

Về con chung : Trong quá trình chung sống vợ chồng có 1 đứa con chung tên Châu Khánh B, sinh ngày 11/01/2009 hiện con đang sống với chị N, chị yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng, không yêu cầu anh G phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 14/6/2019 anh Châu Trường G xác định: về hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung theo trình bày của chị N là đúng. Nay chị N xin ly hôn anh không đồng ý ly hôn, nếu vợ cương quyết ly hôn thì anh cũng đồng ý, về con chung anh đồng ý giao con cho vợ nuôi, anh không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng như sau: Quá trình thụ lý vụ án, chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử, Tòa án tiến hành đúng theo quy định của pháp luật, xác định đúng quan hệ tranh chấp, đương sự trong vụ án và tiến hành các thủ tục tố tụng đúng pháp luật, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự. Các đương sự cũng chấp hành tốt các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự tại phiên tòa hôm nay đối chiếu với các quy định của pháp luật, Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng nhận thấy như sau: Chị N và anh G trước khi lấy nhau là do mai mối và được gia đình hai bên đồng ý tổ chức lễ cưới vào ngày 29/2/2008 nhưng không đăng ký kết hôn, quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên cãi nhau không giải quyết được mâu thuẫn và chấm dứt quan hệ vợ chồng vào năm 2018. Cho đến nay thì anh chị có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nhưng anh chị vẫn không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng. Về con chung có 01 đứa con chung tên Châu Khánh B hiện đang sống với chị N, chị N xin được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy cháu B từ khi cha mẹ sống ly thân cho đến nay cháu ở với mẹ vẫn phát triển tốt, mặt khác cháu cũng có nguyện vọng được sống với mẹ, anh G cũng không tới lui chăm sóc nên xét yêu cầu này của N là hợp lý. Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án , kết quả hỏi tại phiên Tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Trần Thị N yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án tranh chấp “Ly hôn, về nuôi con chung” giữa chị và anh G. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện nên Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng trình tự, thủ tục tố tụng.

Anh G đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng, anh có làm bản tự khai, có tham gia phiên công khai chứng cứ, phiên hòa giải nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Xét thấy việc vắng mặt của anh G không làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 02 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với anh Châu Trường G.

[2]. Về nội dung:

{2.1} Về hôn nhân: Chị Trần Thị N và anh Châu Trường G trước khi lấy nhau do mai mối được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới vào ngày 29/2/2008 nhưng anh

chị không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Vì vậy, hôn nhân của anh chị không được pháp luật thừa nhận là hôn nhân hợp pháp. Do đó, áp dụng khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, tuyên bố không công nhận chị Trần Thị N và anh Châu Trường G là vợ chồng.

{2.2} Về con chung : Chị N và anh G xác định có 01 con chung tên Châu Khánh B, sinh ngày 11/01/2009 hiện con đang ở với chị N, chị N xin được nuôi con. Quá trình hòa giải anh G cũng đồng ý giao con cho chị N nuôi dưỡng, chị N không yêu cầu anh G phải cấp dưỡng nuôi con. Mặt khác, tại bản tự khai ngày 18/3/2019 cháu B có nguyện vọng khi cha mẹ ly hôn cháu xin được sống chung với mẹ. Về hoàn cảnh kinh tế của chị N, chị xác định có thu nhập ổn định và đảm bảo cho việc nuôi con. Do đó, cần ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của chị N và anh G là anh G giao cháu B cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi (Trừ trường hợp thay đổi quyền nuôi con theo quy định của pháp luật) chị N không yêu cầu anh G phải cấp dưỡng nuôi con, nên anh G không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh G có quyền đến thăm nom , chăm sóc , giáo dục con chung , không ai được quyền ngăn cản.

{2.3} Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

{2.4} Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án:

Án phí ly hôn sơ thẩm chị Trần Thị N phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị N đã nộp theo biên lai thu tiền số 1180 ngày 26/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng . Chị N đã nộp đủ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 01 Điều 14, khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân : Tuyên bố không công nhận chị Trần Thị N và anh Châu Trường G là vợ chồng.

2. Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của chị N và anh G; anh G giao con chung tên Châu Khánh B, sinh ngày 11/01/2009 cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi (Trừ trường hợp thay đổi quyền nuôi con theo quy định của pháp luật) chị N không yêu cầu anh G phải cấp dưỡng nuôi con, nên anh G không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh G có quyền đến thăm nom , chăm sóc , giáo dục con chung , không ai được quyền ngăn cản.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm chị Trần Thị N phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị N đã nộp theo biên lai thu tiền số 1180 ngày 26/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng. Chị N đã nộp đủ.

Chị N và anh G có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày; chị N được tính kể ngày tuyên án (ngày 24/7/2019). Anh G được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết của Tòa án.

Nơi nhận

-TAND tỉnh

-VKSND tỉnh, huyện

-Chi cục thi hành án

-Đương sự

-UBND xã

-Lưu HS, VP

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Chuyên